

Số: 25/NQ-HĐND

Tà Học, ngày 25 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÀ HỌC
KHÓA XXI, KỲ HỌP LẦN THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 6128/UBND-TH ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc thực hiện chỉ thị số 31/CT TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 590/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Xét đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số 125a/TTr-UBND ngày 16/12/2025; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-KTNS ngày 17/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 với các nội dung sau:

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Mục tiêu

Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với đẩy mạnh thực hiện các khâu đột phá chiến lược, cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng phát triển nhanh, bền vững gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng khoa học kỹ thuật; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng; giữ vững an ninh - quốc phòng; phấn đấu đến năm 2030 xã phát triển ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt. Phát huy vai trò nền tảng của giá trị văn hóa các dân tộc; xây dựng xã hội dân chủ, tiến bộ, công bằng, văn minh; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa; bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, dịch bệnh kịp thời. Tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng xã hội trật tự, an toàn, kỷ cương;

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu gồm 20 chỉ tiêu.

(Có phụ biểu 01, 1.1 kèm theo)

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Nhiệm vụ

2.1.1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp

Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân. Công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến, cung cấp dịch vụ công mọi lúc, mọi nơi theo hướng chính quyền số, thân thiện, phục vụ.

Thường xuyên nắm bắt để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất - kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn; khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong cộng đồng.

2.1.2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Quản lý, điều hành ngân sách chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính; tăng cường khai thác nguồn thu mới, chống thất thu, gian lận thương mại, trốn thuế, nợ thuế. Ưu tiên nguồn lực cho đầu tư hạ tầng thiết yếu, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030, đặc biệt là chương trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tránh dàn trải, lãng phí.

Huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là giao thông, nước sinh hoạt, trường học, y tế, hạ tầng số.

2.1.3. Phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực

Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, phát triển nông nghiệp sinh thái, gắn với bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã kiểu mới gắn với bản, tiểu khu; củng cố các hợp tác xã hiện có, khuyến khích hình thành các tổ hợp tác; tăng cường liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

2.1.4. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và phát triển toàn diện văn hóa - xã hội

Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực của cán bộ y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe nhân dân; triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, tăng cường y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh.

Thực hiện đồng bộ chính sách dân số, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và trợ giúp kịp thời các đối tượng yếu thế.

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, đấu tranh phản bác các thông tin xấu, độc, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

2.1.5. Phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học ở tất cả các cấp học; duy trì kết quả phổ cập giáo dục, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học, nhà công vụ cho giáo viên, mô hình nấu ăn tập trung cho học sinh bán trú.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyên đổi số; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2.1.6. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về tài nguyên, đất đai, khoáng sản và môi trường; đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, đảm bảo sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; phát động phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” trong cộng đồng dân cư.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, sạt lở, lũ quét; khuyến khích các mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo vệ rừng.

2.1.7. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu; giải quyết dứt điểm, kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, không để tồn đọng, kéo dài.

Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, nhũng nhiễu; tăng cường kiểm tra, giám sát công vụ; đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu.

2.1.8. củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với củng cố quốc phòng – an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh mạng, trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường tuyên truyền, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thực hiện có hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

2.1.9. Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức.

Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát thường xuyên, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với công tác thi đua - khen thưởng, kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

2.2. Giải pháp

2.2.1. Nhóm giải pháp phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

2.2.1.1. Lĩnh vực Văn hoá, thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, Đẩy mạnh thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; chú trọng nâng cao chất lượng phong trào xây dựng và giữ vững danh hiệu “*Gia đình văn hóa*”. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2030. Khuyến khích xã hội hóa và huy động các nguồn vốn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở các bản. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người. Phấn đấu đến năm 2030 trên 80% dân số được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa.

Xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng.

2.2.1.2. Y tế

Củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế xã đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế. Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; từng bước thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử của người dân. Phấn đấu mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn dân; mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu hàng năm đạt trên 95%.

2.2.1.3. Giáo dục, lao động

Chú trọng phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mọi người dân, mọi lứa tuổi.. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích.

Tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Phân đầu đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

2.2.1.4. An sinh xã hội

Phát triển kinh tế phải đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Quan tâm thực hiện tốt công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát, giúp người dân an cư lạc nghiệp, vươn lên thoát nghèo bền vững. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia; tập trung triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, các đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, đặc biệt là quan tâm chăm lo phát triển sản xuất; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức vươn lên thoát nghèo, từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người dân. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng, chống ma túy.

2.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tài sản công ngân sách

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách phân đầu tăng thu ngân sách hàng năm tăng 5%; bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước gắn với huy động các nguồn lực xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; thúc đẩy thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

2.2.3. Giải pháp về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ

Tập trung xây dựng đường giao thông nông thôn, trọng tâm là cứng hóa đường đến trung tâm bản gắn với các Chương trình mục tiêu Quốc gia; coi trọng và dành nguồn lực hợp lý để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Củng cố hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ mới. Hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng nội dung số góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2.2.4. Nhóm giải pháp về kỹ thuật công nghệ và khuyến nông

Tuyên truyền, hướng dẫn để thực thi các chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển Nông nghiệp theo hướng Nông - Lâm kết hợp, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp, HTX,

người sản xuất và nhà quản lý về việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất, giám sát, chứng nhận sản phẩm.

2.2.5. Quy hoạch và quản lý quy hoạch

Xác định các loại cây trồng, vật nuôi là sản phẩm chủ lực của xã theo quy hoạch vùng sản xuất cụ thể. Vùng trồng có điều kiện đất đai phù hợp với yêu cầu của cây trồng để thực hiện phát triển Nông nghiệp theo hướng Nông – Lâm kết hợp, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Các giải pháp kỹ thuật thực hiện bao gồm giống, kỹ thuật canh tác, sơ chế bảo quản sản phẩm và tập huấn kỹ thuật.

2.2.6. Giải pháp đất đai

Đến năm 2030, giảm diện tích gieo trồng kém hiệu quả như: Ngô, lúa, sắn,... sang trồng các cây khác (rừng, cây ăn quả...) có giá trị kinh tế cao hơn. Thực hiện tốt việc cải tạo đất, phục hồi diện tích đất chưa sử dụng; thực hiện tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ cao, sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng hàng hóa. Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê, góp đất nông nghiệp, vận động người dân “dồn điền, đổi thửa” khuyến khích tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất.

2.2.7. Tổ chức sản xuất

Khai thác tốt những tiềm năng thế mạnh, đặc thù của xã, phát huy lợi thế của từng tiểu vùng khí hậu, vùng sinh thái. Tăng cường liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức kinh tế trong nông nghiệp, lâm nghiệp quan tâm phát triển kinh tế trang trại, gia trại theo hướng sản xuất hàng hoá, cụ thể:

- Về nông nghiệp: Đầu tư chăm sóc để tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của xã, giảm dần diện tích cây lương thực trên đất dốc kém hiệu quả sang trồng rừng kinh tế, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Duy trì diện tích, sản lượng cây nông nghiệp là thế mạnh của xã (Ngô, Na, dâu tây, Thanh Long,...). Tăng cường phối hợp mở các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong trồng, chăm sóc cây trồng.

- Về lâm nghiệp: Tăng cường công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, phát triển mô hình nông lâm kết hợp, duy trì diện tích rừng hiện có. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển rừng theo quy hoạch, chuyển diện tích đất vi phạm, đất trồng cây nông nghiệp kém hiệu quả sang trồng rừng kinh tế. Rà soát, bổ sung Quy ước bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với các quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017. Phát triển mạnh trồng rừng gỗ lớn và trồng rừng đa mục đích gắn với quy hoạch các cơ sở chế biến; xây dựng các phương án quản lý rừng bền vững.

- Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hướng hiệu quả, bền vững nhất là chăn nuôi gia súc theo hướng tập trung với quy mô gia trại, bán chăn thả. Triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Tập trung phát triển chăn nuôi lợn, trâu, bò thịt, gia cầm.

- Về Thủy sản: Duy trì diện tích nuôi trồng hiện có, kết hợp khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản trên lòng hồ sông Đà.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. HĐND xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tà Hộc khóa XXI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, đơn vị của xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Cầm Thị Khay



(Biểu 01)

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Ta Hộc)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ						
1	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	5.141	5.398	5.668	5.951	6.249
2	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP	%	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0
3	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	90	89	88	87	86
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	66	68	70	72
	TĐ: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	30	31	32	33	35
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI						
1	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	36	37	38	39	40
2	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	75	75	75	75	75
3	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	1	1	1	1	1
4	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	94	94	94	94	94
5	- Cấp xã: Mỗi năm đạt thêm 1 tiêu chí NTM/năm	Tiêu chí	1	1	1	1	1
	Bản đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu	Bản			1		1
	Bản đạt chuẩn nông thôn mới	Bản	1	1	1	1	1
6	Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được số hoá	%	100	100	100	100	100
7	Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	80	85	90	95	100
8	Tỷ lệ chi từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên tổng chi ngân sách phân đầu đạt	%	2	2	2	2	2
	Các bản, tiểu khu có bảng thông rộng cố định	%	100	100	100	100	100
9	Cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	100	100	100	100	100
	Khu dân cư, xã, phường, đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự"	%	100	100	100	100	100
10	100% cơ quan, đơn vị trực thuộc đạt tiêu chuẩn không có ma túy	%	100	100	100	100	100
	Phân đầu 100% bản, tiểu khu đạt tiêu chuẩn không có ma túy	%	100	100	100	100	100
11	Nhà văn hóa bản, tiểu khu đạt chuẩn theo quy định		Phân đầu đến năm 2030 đạt 100%				
III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG						
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	%	20	20	27	28	30
2	Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom	%	70,5	72	73	74	75
IV	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN						
1	Diện tích sản xuất nông nghiệp	Ha	5.971	5.971	5.971	5.971	5.971
	Diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt	Ha	2.538	2.518	2.508	2.518	2.508
	Diện tích cây công nghiệp hàng năm chủ yếu	Ha	2.608	2.598	2.588	2.598	2.588
	Diện tích trồng cà phê	Ha	75	85	95	85	95
	Diện tích cây ăn quả	Ha	655	675	685	675	685
	Diện tích trồng cỏ	Ha	95	95	95	95	95



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
2	Tổng đàn gia súc, gia cầm	<i>Con</i>	72.958	84.161	91.308	97.281	103.261
	Đàn đại gia súc (trâu, bò)	con	4.567	4.585	4.590	4.585	4.590
	Đàn dê	con	3.502	3.582	3.682	3.582	3.682
	Đàn lợn (> 2 tháng tuổi)	con	4.889	4.939	4.989	4.939	4.989
	Tổng đàn gia cầm các loại	con	78.350	84.175	90.000	84.175	90.000
	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	24	24	24	24	24
3	Lâm nghiệp						
	- Diện tích rừng hiện có. Trong đó						
	+ Rừng phòng hộ và đặc dụng	Ha	1.746,89	1.746,89	1.746,89	1.746,89	1.746,89
	+ Rừng sản xuất	Ha	2.009,1	2.034,1	2.064,1	2.104,1	2.154,1
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	25	30	40	50	55
	- Trồng cây phân tán	cây	4.000	2.500	3.000	3.500	3.500
	- Tỷ lệ che phủ rừng (bao cây ăn quả, phân tán)	%	32,3	32,3	32,3	32,3	32,3
V	CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, HTX						
1	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã	1	1	1	1	1
	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp				1	



